TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 80/2024/DS-ST Ngày: 15 – 8 – 2024 V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán lúa"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Phan Kiên Nhẫn

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình*:** Bà Trần Thúy Liễu - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-DS ngày 05/4/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Huỳnh Tấn M**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M có Luật sư **Phạm Hoài Duy T** – Văn phòng L – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

* *Bị đơn*: 1/ Bà **Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1977 (Vắng mặt)

2/ Ông **Huỳnh Chí T2**, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 15/8/2023 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Tấn M thống nhất trình bày:

Vào ngày 17/02/2023, ông M có giao dịch bán lúa với bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Văn T3 bán 14.561kg, giá là 7.000đồng/kg, loại lúa OM18, tổng số tiền lúa là 101.931.000đồng, khi mua bán không làm giấy tờ do chổ làm ăn quen biết. Ông M đã giao đủ số lúa cho bà T1, ông T3. Khi giao lúa có ông Bùi Văn H, Nguyễn Ngọc Q, Võ Tam H1 biết (03 người này là mua bán lúa chung với ông M), cùng cư ngụ tại ấp7, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Bà T1 và ông T3 có trả được cho ông M được số tiền là 20.000.000đồng và nhận được thêm 40.000.000đồng tiền đặt cọc lúa (việc giao tiền cũng không có làm giấy tờ), còn nợ lại số tiền 51.931.000đồng.

Nay ông M yêu cầu vợ chồng ông T3, bà T1 trả lại số tiền lúa còn nợ là 51.931.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt, tại biên bản hoà giải trình bày:

Vào ngày 17/02/2023, bà T1, ông T3 có giao dịch bán lúa với ông Huỳnh Tấn M mua số lúa bao nhiêu thì bà T1 không biết, chỉ nghe ông T3 nói lại vì lúc đó bà T1 bệnh.

Đến 02/4/2023, ông M có đến nhà đòi tiền thì có gặp ông T3 thì xảy ra xô sát, khi bà T1 ra thì sự việc đã xong, chỉ biết ông M lên đòi tiền lúa.

Bà T1 cho rằng việc mua bán này là của ông T3 nên để ông T3 tự trả 51.931.000đồng, bà T1 không đồng ý trả cho ông M nhưng nghe ông T3 nói là chỉ còn nợ là 41.931.000đồng.

Tại bảng tự khai của bà Nguyễn Thị T1 nộp cho Toà án ngày 01/11/2023 là đúng là chữ ký, chữ viết của bà T1. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- Bị đơn là ông Huỳnh Chí T2 vắng mặt, có lời khai trình bày:

Ông T2 thừa nhận có mua bán lúa với ông Huỳnh Tấn M, ngày tháng năm nào thì không nhớ. Tuy nhiên, việc trả tiền mua lúa thì do bà T1 và ông T2 cùng trả. Ông T2 đã trả tổng cộng cho ông M số tiền là 60.000.000đồng còn nợ lại 51.931.000đồng.

Nay ông T2 đồng ý trả cho ông M số tiền là 51.931.000đồng nhưng đợi ông T2 ra trả cho ông M.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

+ Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề

xuất: Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Tấn M, buộc anh Huỳnh Chí T2 và chị Nguyễn Thị T1 trả cho anh M số tiền 51.931.000đồng

Về án phí: Anh T2 và chị T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 2.596.550đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của ông M yêu cầu ông T2, bà T1 trả tiền mua lúa là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 4 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T1. Ông Huỳnh Chí T2 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu vợ chồng ông T2 và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua lúa cho ông M số tiền là 51.931.000đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy việc cân lúa (mua lúa) giữa ông M với ông T2, bà T1 không có hợp đồng hay biên nhận, nhưng tại các bản tự khai của bà T1 và biên bản lấy lời khai của ông T2 đều xác nhận có cân lúa của ông M ngày 17/02/2023 là 14.561kg với giá là 7.000 đồng/kg thành tiền là 101.931.000đồng. Bà T1 và ông T2 đã trả cho ông M số tiền là 60.000.000đồng còn nợ lại 51.931.000đồng do sự việc được các bên thừa nhận nên đây là tình tiết sự, kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T2 đã biết được ông M khởi kiện yêu cầu ông T2 có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T1 trả tiền mua lúa cho ông M, phía ông T2 không phản đối hay có ý kiến gì. Mặt khác, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T2 với bà T1 và trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc mua bán lúa trên là vì nghĩa vụ riêng của bà T1 hay ông T2. Đồng thời theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ chung về tài sản của

vợ, chồng thì xác định bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông T2 trả nợ cho ông M. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu vợ chồng ông T2 và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông M số tiền mua lúa là 51.931.000 đồng. Ông M không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên ông M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.050.000 đồng theo biên lai thu số No 0013923 ngày 27/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

+ Bà T1, ông T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.596.550đồng.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

- Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 5 Điều 95, Điều 98, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn M.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Chí T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Tấn M số tiền mua lúa là 51.931.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà T1, ông T2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.596.550đồng.

+ Hoàn trả lại cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.050.000 đồng theo biên lai thu số No 0013923 ngày 27/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện TamBình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Hồng Chi